SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẾN TRE
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 85 /TB-VPĐK

Bến Tre, ngày 21 tháng 01 năm 2020

THÔNG BÁO
Công nhận kết quả trúng tuyển viên chức Văn phòng đăng ký đất đai năm 2019

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc thành lập Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 217/QĐ-VPĐK ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Văn phòng đăng ký đất đai về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức Văn phòng đăng ký đất đai năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 10 /QĐ-VPĐK ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Văn phòng đăng ký đất đai về việc phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức Văn phòng đăng ký đất đai năm 2019.

Văn phòng đăng ký đất đai thông báo đến người dự tuyển Danh sách trúng tuyển viên chức Văn phòng đăng ký đất đai năm 2019 được đính kèm theo Thông báo này (tổ chức xét tuyển ngày 21 tháng 12 năm 2019). Đề nghị các ông(bà) có tên trong Danh sách trúng tuyển đến Phòng Hành chính - Tổng hợp thuộc Văn phòng đăng ký đất đai (Địa chỉ: Số 03, Trần Quốc Tuấn, phường 2, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) nộp các hồ sơ, giấy tờ cần thiết để hoàn thiện hồ sơ dự tuyển theo quy định trước khi ký hợp đồng làm việc, gồm:

1. Sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan, đơn vị nơi công tác trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển. *(có mẫu kèm theo)*

2. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập (nếu có), được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt.

3. Đối tượng ưu tiên theo quy định tại Khoản 3, Điều 10 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 4, Điều 2, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP (nếu có).

4. Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ thẩm quyền chứng nhận theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế.

5. Giấy xác nhận có 02 năm kinh nghiệm phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng của cơ quan, đơn vị đã từng hoặc đang công tác.

6. Bản sao Sổ Bảo hiểm xã hội để xem xét miễn tập sự theo quy định tại Điều 10, Thông tư 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ.

Thời gian nhận hồ sơ: từ ngày 30 tháng 01 năm 2020 đến ngày 14 tháng 02 năm 2020, trong giờ làm việc.

Văn phòng đăng ký đất đai trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Các ông(bà) trúng tuyển "để biết, thực hiện";
- Sở TNMT "báo cáo";
- BGĐ VPĐKĐĐ;
- HĐXTVC;
- Website Sở TNMT "đăng bài";
- Niêm yết tại VPĐKĐĐ;
- Lưu VT, HĐXTVC.

Q. GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẾN TRE
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Lê Minh Trí

DANH SÁCH

trúng tuyển viên chức Văn phòng đăng ký đất đai năm 2019

(Ban hành kèm theo Thông báo số 85 ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Văn phòng đăng ký đất đai)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển (theo Lĩnh vực chuyên môn)	Tổng điểm	Ghi chú
1	Lê Duy An	25/05/1982	Nam	Kỹ thuật - Đo đạc bản đồ	95.00	
2	Phan Hoài Bắc	12/05/1982	Nữ	Thông tin - Lưu trữ	92.75	
3	Dương Quốc Bảo	10/04/1984	Nam	Kỹ thuật - Đo đạc bản đồ	93.50	
4	Đỗ Thanh Bình	10/09/1978	Nam	Kỹ thuật - Đo đạc bản đồ	94.50	
5	Huỳnh Thái Châu	05/09/1980	Nam	Kỹ thuật - Đo đạc bản đồ	93.50	
6	Trần Thị Kiều Diễm	21/05/1983	Nữ	Đăng ký đất đai	94.00	
7	Nguyễn Thị Thu Diễm	20/10/1981	Nữ	Đăng ký đất đai	93.00	
8	Nguyễn Hoàng Diệu	06/11/1978	Nam	Kỹ thuật - Đo đạc bản đồ	95.00	
9	Lư Thị Mới Em	12/10/1982	Nữ	Hành chính - Tổng hợp	96.50	
10	Lê Văn Giáp	13/02/1980	Nam	Thông tin - Lưu trữ	94.75	
11	Phạm Thanh Hải	08/08/1977	Nam	Kỹ thuật - Đo đạc bản đồ	91.25	
12	Huỳnh Thị Ngọc Hân	03/06/1981	Nữ	Đăng ký đất đai	97.25	
13	Trương Thị Bích Hạnh	28/10/1983	Nữ	Cấp Giấy chứng nhận	97.75	
14	Nguyễn Thị Diệu Hiền	03/03/1983	Nữ	Đăng ký đất đai	97.75	
15	Phạm Nguyễn Thanh Hòa	21/03/1985	Nam	Hành chính - Tổng hợp	95.75	
16	Lê Thị Xuân Hồng	20/10/1983	Nữ	Kỹ thuật - Đo đạc bản đồ	96.75	
17	Phạm Hoàng Lam	24/04/1981	Nam	Đăng ký đất đai	95.75	
18	Trần Đình Lâm	09/04/1983	Nam	Kỹ thuật - Đo đạc bản đồ	96.50	
19	Hà Thị Liễu	02/07/1979	Nữ	Thông tin - Lưu trữ	95.75	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển (theo Lĩnh vực chuyên môn)	Tổng điểm	Ghi chú
20	Phạm Thị Mỹ Linh	02/12/1982	Nữ	Thông tin - Lưu trữ	94.75	
21	Nguyễn Thanh Long	24/03/1971	Nam	Thông tin - Lưu trữ	95.00	
22	Nguyễn Anh Minh	05/09/1982	Nam	Thông tin - Lưu trữ	95.75	
23	Lữ Ngọc Thảo Nguyên	18/12/1978	Nữ	Thông tin - Lưu trữ	92.25	
24	Nguyễn Thị Kim Nhi	07/04/1986	Nữ	Hành chính - Tổng hợp	95.00	
25	Phan Huỳnh Hải Như	23/12/1984	Nữ	Đăng ký đất đai	96.50	
26	Phạm Hoài Phong	28/01/1985	Nam	Kỹ thuật - Đo đạc bản đồ	95.75	
27	Lê Tấn Phúc	30/11/1975	Nam	Kỹ thuật - Đo đạc bản đồ	95.00	
28	Nguyễn Tấn Quốc	23/08/1982	Nam	Thông tin - Lưu trữ	94.75	
29	Lý Nguyễn Hoàng Sang	12/02/1982	Nam	Hành chính - Tổng hợp	96.25	
30	Hồ Thanh Sơn	05/05/1975	Nam	Thông tin - Lưu trữ	92.75	
31	Dương Văn Tâm	24/04/1980	Nam	Kỹ thuật - Đo đạc bản đồ	97.00	
32	Đào Minh Tâm	15/08/1982	Nữ	Đăng ký đất đai	97.75	
33	Nguyễn Thu Thảo	08/06/1981	Nữ	Hành chính - Tổng hợp	96.00	
34	Vũ Văn Thật	04/09/1983	Nam	Kỹ thuật - Đo đạc bản đồ	97.50	
35	Nguyễn Thị Cẩm Thu	11/04/1976	Nữ	Kỹ thuật - Đo đạc bản đồ	96.50	
36	Nguyễn Thị Thu Thủy	01/01/1983	Nữ	Kỹ thuật - Đo đạc bản đồ	91.25	
37	Võ Anh Tuấn	16/03/1980	Nam	Kỹ thuật - Đo đạc bản đồ	98.00	
38	Đinh Bá Tùng	25/05/1982	Nam	Đăng ký đất đai	93.25	
39	Lê Thị Ngọc Tuyền	22/02/1982	Nữ	Đăng ký đất đai	98.25	
40	Võ Trần Thanh Vân	07/03/1981	Nữ	Kỹ thuật - Đo đạc bản đồ	97.50	
41	Võ Thị Cẩm Vân	22/07/1982	Nữ	Thông tin - Lưu trữ	95.25	
42	Lê Thị Xuyến	16/07/1981	Nữ	Đăng ký đất đai	96.50	